

NHẬN DIỆN DANH TÍNH HAI BÀ TRUNG.

Nguyễn Xuân Quang.

Trung Trắc, Trung Nhị Nghĩa Là Gì?

Trung nghĩa là gì? Trung là tên, là họ hay là tước hiệu?

Từ trước tới nay nhiều chứng sử đã xác nhận Bà Trưng thuộc dòng vua Hùng Vương. Ví dụ giáo sư Trần Quốc Vượng: “*Truyền thuyết và sử cũ cho rằng bà Trưng là cháu chắt phía ngoại của Hùng Vương...*”. Lê Ngô Các, Phạm Đình Toái trong Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca cũng xác thực Hai Bà Trưng là con cháu, dòng dõi Hùng Vương. Vua Hùng đóng đô ở Phong châu:

*Bà Trưng quê ở châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.,,*

Như thế Trung cần phải nhìn dưới nhiều khía cạnh, ít nhất là theo tên mẹ đẻ, hệ phái, dòng họ, tước hiệu, vương hiệu.

1. Tên Trưng Hiểu Theo Tên Mẹ Đẻ, Theo Hệ Phái, Theo Ngành.

Trước hết Trưng biến âm với trang, tráng, trắng, trắng, trắng, trắng, trắng, trong, tròn, tròn, tròn, tròn, tròn, tròn, trính, trính, trính... Ta thấy ngay các từ có nghĩa dương tính như trang, tráng, trắng, trắng, trắng, trắng, trắng, trong, tròn, tròn, tròn, tròn, tròn, tròn, trính, trính, trính... mang âm tính có vẻ thích hợp. Dĩ nhiên ta cần phải đối chiếu với các chứng liệu khác.

Như đã nói ở trên Bà Trưng là cháu chắt phía ngoại vua Hùng vương, ta thấy ngay ngành ngoại Hùng vương là phía Mẹ nàng, My Nương, thuộc họ Nòng, âm. Nàng, nương, nòng biến âm với Nang là bao bọc, Trúng. Quả cau nang hình trứng, bở đôi giống trứng luộc cắt đôi nên cau tiếng Mường Việt cổ gọi là Nang (mo nang là mo cau), Mã ngữpinang, cau (Đảo Pinang, Pénang là Đảo Cau), Hán Việt lang, bình lang là cau [L là dạng dương của N, những từ Việt khởi đầu N khi chuyển qua Hán Việt thành L như nang, cau thành lang, Cao Nỏ (ông tổ làm Nỏ họ Cao) thành Cao Lỗ, con cọc (Việt Dịch Bầu Cua Cá Cọc), con nọc (hươu cộc có sừng, hươu đực), thành Hán Việt con lộc... (Tiếng Việt Huyền Diệu)].

Nang, nòng là lòng, tròn, trứng.

Như thế Hai Bà Trưng gọi theo nghĩa Trúng là nang, nàng, nòng, nường thuộc về phía Mẹ Nang, Mẹ Nàng, Mẹ Trúng dòng Mẹ Tổ Âu Cơ phía ngoại Hùng Vương. Đây là cách gọi theo mẫu hệ thời Bà Trưng.

Bà Trưng là Mẹ Nang, Mẹ Trúng. Điểm này cũng được các nhà dân tộc học Việt Nam xác thực: *'Các nhà dân tộc học cho rằng từ Trưng là từ "trúng" mà ra'* (<https://baodanang.vn/channel/5433/201703/ve-ten-ho-hai-ba-trung-va-chong-ba-trung-trac-2542233/>).

Bà Trưng là Mẹ Trúng nhưng là Trúng gì?

Ta phải truy tìm nguồn cội nghĩa Trưng là Trúng do đâu mà ra?

Theo truyền thuyết Mẹ Tổ Âu Cơ sinh ra Bọc Trúng Thế Gian nở ra Một Trăm Lang, tiền thân các Vua Hùng lịch sử. Theo qui luật L là dạng dương của N của Nguyễn Xuân Quang như đã nói ở trên, ta có $L (+) = N (-)$ thì các Lang Hùng có DNA nang, trứng sinh ra từ (bọc) Nang (Trúng) nhưng là nang trứng con trai. Các Lang Hùng là Trúng con trai gọi là Quang Lang (không phải là Quan Lang). Quang Lang là Lang Sáng, Lang Ánh Sáng, Lang Mặt Trời, Lang con trai, nang dương vì Vua Hùng là Vua Mặt Trời (Việt Là Gì?). Các con gái Hùng Vương dĩ nhiên cũng có DNA nang, Trúng sinh ra từ bọc trứng nang Âu Cơ gọi là Mẹ Nang, Mẹ Nàng. Mẹ Nàng là Mẹ Nang, Mẹ Trúng. Rõ như ban ngày, Bà Trưng phía ngoại Hùng Vương, phía con gái Hùng Vương là Mẹ Nàng, Mẹ Nang, Mẹ Trúng.

Trúng đây phải hiểu là trứng càn khôn, tạo hóa thế gian đội lốt trứng vũ trụ. Nói chung là trứng tạo hóa, vũ trụ càn khôn, trời đất. Bà Trưng là Mẹ Trúng Sinh Tạo nhân gian Việt.

Tóm lại Trúng hiểu theo nghĩa Trúng phải hiểu là Mẹ Trúng nhân gian, hậu duệ Hùng Vương sinh ra từ Bọc Trúng thế gian của Mẹ Âu Cơ.

Đây là tên mẹ đẻ, theo phả hệ, theo phái, theo ngành nòng, âm, phía tròn trắng âm, không gian bên ngoại của Trúng thế gian Hùng Vương.

2. Tên Trưng Hiểu Theo Họ, Vương Hiệu Mặt Trời.

Bây giờ ta hãy tìm hiểu Trưng theo họ, vương hiệu trong Trưng Vương, Trưng Nữ Vương của Hai Bà.

Bà Trưng thuộc một bộ tộc Hùng Vương. Tác giả Trần Quốc Vượng đã xác thực Bà Trưng thuộc một bộ lạc thời Hùng Vương: *"Tên Trưng Trắc thời cổ phải phát âm là Mlìng, Mlak (hay Blìng Blak)... với tên đất tên bộ lạc (và ở thời xa xưa tên vật tổ) được lấy làm tên họ. Điều đó hoàn toàn phù hợp với tín ngưỡng tô-tem giáo, với*

lời đặt tên đất, tên người thời cổ... Mling Mlang, Kling Klang, Bling Blang (những cặp tên có tính chất lấp láy) theo tiếng của dân tộc Tây Nguyên đều có nghĩa là một loài chim... Mọi tài liệu đều nói lên một cách thống nhất huyện đó, bộ lạc đó, khi xưa mang tên một loài chim Mling với một thị tộc (bào tộc) gốc thờ chim làm vật tổ. Đó là bộ lạc gốc thời Hùng Vương dựng nước (Hùng Vương Dựng Nước, tập I, tr.154)”.

Vì là cháu chắt Hùng Vương thuộc một bộ lạc thời Hùng Vương nên vương hiệu của Bà Trưng phải dựa theo vương hiệu của họ Hùng Vương Vua Mặt Trời Mọc.





Xin nhắc lại Hùng Vương là Vua Mặt Trời, Vua Mặt Trời Hùng Rạng, Mặt Trời Mọc (Việt là Gì?, Hơn 100 Bằng Chứng Việt Là Người Mặt Trời). Ở đây chỉ xin đưa ra một bằng chứng dễ thấy và gần gũi ở đây. Chúng ta là con cháu Đế Minh Đế Ánh Sáng, mặt trời buổi sáng. Đế Minh sinh ra Kỳ Dương Vương, Vua mặt trời giữa trưa, thượng đỉnh (zenith) trên đỉnh trục thế giới (Kì có một nghĩa là kèo: kì kèo; là kê: cọc, đóng kê là đóng cọc giữ bờ nước; là que, cọc, trụ). Kỳ Dương Vương sinh ra Lạc Long Quân, Quân (vua dòng âm) mặt trời lặn (lạc dương: mặt trời lặn). Lạc Long Quân sinh ra Hùng Vương, Vua mặt trời Hùng Rạng, Mặt Trời Mọc.

Bà Trưng là dòng dõi phía bên ngoài Hùng Vương, Vua Mặt Trời Hùng Rạng, Rạng Đông, Bình Minh, Mặt Trời Mọc phía ngoài Âu Cơ Mặt Trời Tinh Mơ (Nhật Tảo) thì bắt buộc danh xưng Trưng phải có nghĩa liên hệ với với mặt trời, ánh sáng.

Bây giờ ta đi tìm nghĩa từ Trưng có nghĩa liên hệ với mặt trời, với hùng rạng, sáng ngời.

Theo chữ Hán Nôm/Việt: Trưng: 徵 viết với bộ xích. Xích có một nghĩa là Đỏ. Đỏ là Tỏ là Sáng (sáng tỏ), là mặt trời: xích đạo, ‘đường mặt trời’, Xích Quỷ, Người Mặt Trời (Việt là Gì?). Như thế Trưng liên hệ với Sáng, với mặt trời. Qua từ đôi Sáng Trưng, theo qui luật từ đôi đồng nghĩa của Nguyễn Xuân Quang (Tiếng Việt Huyền Diệu) thì Sáng Trưng có Trưng = Sáng. Như vậy Bà Trưng có vương hiệu Trưng, Sáng Trưng đặt theo phía nội mặt trời Lang của họ Hùng Vương Hùng Rạng.

Kiểm chứng với ngày Lễ Hai Bà Trưng mùng 6 tháng 2 âm lịch.

Ta thấy ngày 6 với số 6 là số Tôn (quẻ Tôn , hay dựng lên  là hào âm , trên hai hào dương, thái dương , viết theo Việt dịch nòng nọc là OII). Tôn (OII), âm (O) thái dương (II), mặt trời nữ thái dương, mặt trời nữ sáng trưng. Theo Hậu Thiên Bát Quái Tôn âm thái dương lưỡng hợp với Càn III (dương I thái dương II). Đế Minh dân gian Việt Nam gọi là Chàng (I) Lửa (II) tức Càn (III). Đế Minh có nghĩa là Đế Ánh Sáng, Đế Sáng Trưng. Bà Trưng Sáng Trưng là hậu duệ của Đế Minh Đế Ánh Sáng Sáng Trưng, cháu ba đời thần mặt trời Viêm Đế thái dương Sáng Trưng.

Ta thấy rõ chọn ngày 6 Tốn, âm thái dương, mặt trời nữ thái dương là chọn theo nghĩa Sáng Trung của tên Trung theo phía nội, theo họ mặt trời của Hùng Vương.

Còn tháng 2 với số 2 là số Khảm (OIO) tầng 1 cõi trời. Khảm hiểu theo dịch thể gian là Nước. Nước thuộc phía âm, nòng, nang, nằng, nường (nước là Mẹ của sự sống). Nang có một nghĩa là Trứng. Ta có từ đôi Trứng Nước (nguyên thủy trứng là cái bọc nước). Theo qui luật từ đôi đồng nghĩa qua từ đôi trứng nước ta có trứng = nước = Khảm = 2.

Như thế chọn tháng 2 là chọn theo ngành nòng, nang, trứng phía bên mẹ, bên ngoại của Hùng Vương.

Rõ như hai năm là mười, ngày Lễ Hai Bà Trưng với ngày 6 (Tốn) gọi theo nghĩa Sáng Trung của mặt trời nữ Sáng Trung của Bà Trưng theo phía nội, theo họ Hùng Vương và tháng 2 gọi theo nghĩa Trứng của phía Mẹ Nang, Mẹ Nằng, phía ngoại Hùng Vương.

Để diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa từ Trưng, gộp lại ta có thể gọi là Vua Mẹ hay Nữ Vương Nang Trưng Thái Dương bao gồm nghĩa Nang là Trứng Bầu Không Gian và Thái Dương là Mặt Trời Sáng Trưng. Trưng với nghĩa Trứng không gian và Sáng Trưng mặt trời bao gồm cả nghĩa không gian-mặt trời, vũ trụ, khôn cần.

Còn Trắc và Nhị nghĩa là gì?

Trắc là gì?

Xin thưa Trắc là ‘Chắc’ có nghĩa là Một. Một chắc. Một chắc là từ đôi điệp nghĩa, ta có một = chắc. Với h âm ta có chắc = cắc. Ta có từ *bạc cắc* chỉ bạc lẻ còn gọi là *bạc một* (Tác giả Bình Nguyên Lộc giải thích bạc cắc là bạc cắt nhỏ ra. Theo tôi cách này không thông dụng trong thực tế). Chắc liên hệ với Pháp ngữ *chaque*, mỗi một, chacun, mỗi người... Chắc cũng biến âm với Việt ngữ *chiếc* có nghĩa là một như *chiếc bóng* = một bóng.

Chắc là một cũng được xác thực bởi các nhà dân tộc học Việt Nam: “*Trứng chắc là loại trứng tốt, trứng nhĩ ở đây là “nhĩ” bởi ngày xưa bộ tộc thường hay phân biệt trứng loại A, loại B như ngày nay chúng ta vẫn phân biệt. Do đó tên Trứng chắc và Trứng nhĩ ra tên Trưng Trắc và Trưng Nhị*”.

Cũng bàn về tên của hai Bà Trưng, theo PGS Nguyễn Khắc Thuần trong sách *Danh tướng Việt Nam*, có nguồn gốc từ nghề dệt lụa truyền thống của Việt Nam, tương tự như cách đặt tên theo các loài cá của các vua nhà Trần sau này vốn xuất thân từ nghề chài lưới. Xưa kia nuôi tằm, tổ kén tốt gọi là “kén chắc”, tổ kén kém hơn gọi là “kén nhĩ”; trứng ngài tốt gọi là “trứng chắc”, trứng ngài kém hơn gọi là “trứng nhĩ”. Do đó, theo sách *Danh tướng Việt Nam*, tên hai bà vốn rất giản dị là *Trứng Chắc* và *Trứng Nhĩ*, phiên theo tiếng Hán gọi là *Trưng Trắc* và *Trưng Nhị*.

Nhị (<https://baodanang.vn/channel/5433/201703/ve-ten-ho-hai-ba-trung-va-chong-ba-trung-trac-2542233/>).

Như vậy Trung Trắc là Mẹ Nang Trung Thái Dương Một, Thứ Nhất. Ta thấy ngay Trung Nhị là Mẹ Nang Trung Thái Dương Nhì, Thứ Hai.

Bây giờ ta kiểm chứng lại một lần nữa cho vững chắc thêm, để thuyết phục những ai bị 'hội chứng chối từ' (denial syndrome) còn nghi ngờ.

-Mặt Trời Nữ Hình Hoa Biểu Tượng cho Hai Bà Trưng.

Tại Đền Hai Bà Trưng Đồng Nhân, Hà Nội có mặt trời hoa sen biểu tượng cho Hai Bà:



Đền Hai Bà Trưng Đồng Nhân, Hà Nội
(nguồn: vietlandmarks.com).

Như đã biết hoa sen một loài hoa mọc dưới nước mang âm tính biểu tượng cho phái nữ, bộ phận sinh dục nữ (Sự Đồi Như Cái Lá Đa). Mặt trời hình hoa đĩa tròn có tia sáng hình cánh hoa tròn đầu là mặt trời biểu tượng cho mặt trời nữ, thái dương thần nữ. Ví dụ mặt trời hoa cúc biểu tượng cho thái dương thần nữ Amaterasu, mặt trời hoa hồng biểu tượng cho Đức Bà Maria.

Mặt Trời hoa sen biểu tượng cho Hai Bà Trưng cho thấy Hai Bà có một khuôn mặt là Mặt Trời Nữ Thái Dương.

-Tên thủ đô Mê Linh của Hai Bà.

Hai Bà khi lên ngôi đóng đô ở đất Mê Linh. Vùng đất tổ Hùng vương tại thôn Hạ Lôi xã Mê-Linh, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú có đền thờ Hai Bà Trưng.

Theo giáo sư Trần Quốc Vượng Mê-Linh mang âm của tên chim mling, mlang. Đúng như giáo sư Trần Quốc Vượng nói, trên Tây Nguyên có loài chim tên mling, mlang. Trong dân ca Ê-Đê có bài hát nhắc đến tên loài chim này:

*Anh đến từ nơi xa,
Anh mang theo chim mơ-linh từ nhà,
Chim mơ-lang từ buôn.
Anh nghĩ rằng em là con gái chưa tơ vương...*

(Vũ Ngọc Phan, Tục Ngữ, Cao Dao, Dân Ca, Việt Nam).

Tên chim có trong ngôn ngữ các tộc Tây nguyên mà ta đã biết rằng một số tộc Tây nguyên có liên hệ mật thiết với một số tộc ở Mã Lai, Nam Dương, như vậy ta hãy tìm tung tích chim mling, mlang này trong ngôn ngữ Mã Lai xem sao? Trong từ điển Malay-English Dictionary của R.J. Wilkinson có từ *lang*: *a generic name for hawks, kites and eagles (một tên chung loại chi điều hâu và ó, ưng)*. Như thế chim lang, chim linh chỉ chung loài mãnh cầm, loài chim mang hùng tính biểu tượng cho đực, dương, phái nam, mặt trời. Điểm này ăn khớp trăm phần trăm với từ *lang* trong Việt ngữ. Việt ngữ *lang* là *chàng*, con trai. Chàng còn có nghĩa là *chiếc chàng*, chiếc đục (chisel). Chàng, đục là vật nhọn biểu tượng cho bộ phận sinh dục phái nam, cho đực, dương, mặt trời...

Ta thấy rất rõ chim lang là chim chàng (có một nghĩa là chisel) là chim đục, chim rìu, chim Việt, chim cắt (bò cạp), chim sừng (hornbill), chim biểu tượng của thần mặt trời Viêm Đế họ Khương (Sùng) tổ của Viêm Việt, của Đại tộc Việt. Điểm này ăn khớp trăm phần trăm với Mã Lai ngữ *langling*: *the Southern pied hornbill (chim mỏ rìu, mỏ cắt có lông sặc sỡ, nhiều màu ở miền Nam)*.

Hai Bà Trưng phía ngoài Hùng Vương nên mới đóng đô ở thủ đô chim Mê Linh, Chim Lang, Chim Bỏ Cắt Lang (trắng), chim biểu tượng của Tổ Hùng Lang thế gian thuộc Họ Chim Cắt Sừng Hồng Hoàng (đỏ vàng) (tên Hán Việt của chim cắt là hồng hoàng), chim biểu tượng của thần mặt trời Viêm Đế họ Khương (Sùng).

Hai Bà Trưng hiển nhiên thuộc dòng họ mặt trời Hùng Vương-Viêm Đế thái dương Sáng Trưng có chim biểu là con chim cắt Việt mỏ rìu mặt trời thái dương.


Người Việt Bỏ Cắt Mặt Trời Thái Dương Rạng Ngời còn ghi khắc lại rất nhiều trong Sử Đông Đông Sơn. Hãy lấy một hai ví dụ.


Trên trống Ngọc Lũ I:



Người Việt Mặt Trời Thái Dương chim Bồ Cắt, chim Cắt Việt, Hồng Hoàng có mỏ rìu tam giác, mỏ sừng trụ ánh sáng, váy hình hai cánh chim xòe ra thuộc họ chim Mỏ Sừng Tào Hóa (Great Hornbill, Buceros bicornis), chim Khương (Mường ngữ Khương ruột thịt với Khương, Sừng) thân Mặt Trời thái dương Viêm Đế họ Khương (Sừng,) ngành Nọc Việt, Hồng Việt.

Trang phục đầu có mỏ chim đầu đao tam giác có tia sáng rạng ngời, mặt trời Càn

thái dương  *và sừng trụ tia ánh sáng hùng rạng từ chân trời chiếu thẳng lên*

đầy hùng tính  *của mặt trời mọc. Đây là Người (chim) Việt Bồ Cắt Mặt Trời Thái Dương Rạng Ngời.*

Vì là người mặt trời thái dương mang dương tính nên vẽ, khắc theo các đường nét thẳng có góc cạnh (đường nét cong tròn như thấy ở phái nữ mang âm tính) nên người thường không nhận ra người chim cắt Việt mặt trời này. Cách vẽ theo lập thể của Picasso và đường nét thẳng, gãy khúc của Duy Liêm sau này nằm trong trường phái Mặt Trời Việt Đông Sơn cách đây hơn hai ngàn năm!

Ở các trống muộn hơn, người Việt chim Bồ Cắt Mặt Trời Thái Dương vẽ, khắc thấy rõ ‘nguyên con’ không còn theo lập thể nữa. Ví dụ thấy trên trống Quảng Xương:



Người Việt Mặt Trời Thái Dương chim Bồ Cắt, chim Cắt Việt, Hồng Hoàng có mỏ rìu, mỏ sừng, váy hình hai cánh chim xòe ra.

.....

Tóm lược

Hai Bà Trưng hiểu theo nghĩa Trưng là tên mẹ đẻ gọi theo nghĩa dòng tộc, hệ phái phía nòng, âm, mẹ ở xã hội mẫu hệ thời Hai Bà Trưng. Mẹ Trưng Trưng là Cái Nang, Cái Trưng, Mẹ Nang, Mẹ Nàng, Mẹ Trưng Tạo Hóa, Vũ Trụ, càn khôn, trời đất.

Hai Bà Trưng hiểu theo nghĩa Sáng Trưng là gọi theo Họ Hùng Vương Mặt Trời Mọc Sáng Ngời, theo chúng người Man, Mán, Mường có nghĩa là Người, Người là Ngời, Ngời Sáng và theo tên Trưng: 徵 viết với bộ Xích, Đỏ, Tỏ, Sáng Tỏ, con dân Xích Qui, Kẻ Đỏ mặt trời giữa trưa Kì Dương Vương, con của Đế Minh Ánh Sáng, cháu ba đời thân mặt trời Viêm Đế có họ Khương (Sùng), có chim biểu tượng là chim Khương (Mường ngữ), Chim Mỏ Sùng (Hornbill). Bà Trưng có một khuôn mặt là Nữ Vương Mặt Trời Sáng Trưng nên ở các đền thờ Hai Bà đều có hình mặt trời nữ thái dương hình hoa. Bà Trưng dòng người chim Việt Mặt Trời thái dương Viêm Đế mặt trời thái dương có chim biểu là chim Cắt Việt Lửa, chim Hồng (Hoàng) thấy trên trống Ngọc Lũ I (Người Chim Nông Việt Nước, chim Lạc thấy ở trên trống Hoàng Hạ) nên đóng đô ở đất chim mặt trời bồ câu, chim Việt Mê Linh.

Gọi gộp lại là Nữ Vương Nang Trưng Thái Dương bao gồm nghĩa Nang là Trưng Tạo Hóa và Thái Dương là Sáng Trưng, mặt trời thái dương. Trưng Trắc là Mẹ Nang Thái Dương Một, thứ Nhất và Trưng Nhị là Mẹ Nang Thái Dương Nhì, thứ hai.

Nguyễn Xuân Quang

Nguồn: <https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2020/03/06/nhan-dien-danh-tnh-hai-b-trung/>

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/nguyenxuanquang.html> [**<= bấm vào**]

www.vietnamvanhien.org

